TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 17/9/2019.
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vi Thị Tỵ.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 17/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, Toà án nhân dân huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 45/2019/TLST-DS ngày 07/5/2019, về việc ***"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-DS ngày 09/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST- DS ngày 27/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ dân phố J, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn U (*trước là Thôn K*), xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị T có mặt tại phiên tòa; chị M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nhau từ lâu, nên trước đó chị có cho chị M vay, mượn tiền để lo công việc gia đình, đến ngày 05/8/2017, giữa chị với chị M đã thống nhất được số tiền mà chị còn vay của chị là 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*). Cụ thể: Chị vay giùm cho chị M có lãi suất số tiền 200.000.000 đồng, chị và chị M có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất tính theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp, còn 60.000.000 đồng là tiền của chị nên chị không tính lãi với chị M. Khi vay tiền chị M đã tự nguyện viết nội dung vay chị số tiền 260.000.000 đồng vào giấy vay tiền, hẹn sẽ hoàn trả dần cho chị mỗi năm một ít trong vòng 3 năm sẽ hoàn trả hết cho chị và ký, ghi rõ họ tên người vay Nguyễn Thị M. Chị đã cung cấp Giấy vay tiền cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Tính đến nay cũng đã được hơn 02 năm nhưng chị M vẫn không trả cho chị được khoản tiền nào cả, mặc dù chị đã nhiều lần trực tiếp gặp chị M để yêu cầu chị M lo thu xếp trả nợ cho chị nhưng chị M cứ khất nợ hết lần này đến lần khác mà không trả

tiền cho chị. Trong vòng hai năm liền chị M không trả được bất kỳ khoản tiền nào nên đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng vay. Nhận thấy chị M không có ý định trả nợ cho chị nên đến ngày 03/5/2019, chị đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Kbang yêu cầu chị M phải trả cho chị số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi chị M phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*) với phương thức trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Mặc dù giữa chị và chị M có thỏa thuận việc trả lãi, nhưng chị M không trả nên chị không yêu cầu chị M trả lãi cho chị nữa.

Nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày được thi hành án (Nguyễn Thị T) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (Nguyễn Thị M) thi hành án xong khoản tiền nợ gốc (260.000.000 đồng), hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chứng cứ do chị Nguyễn Thị T cung cấp, gồm: 01 Bản gốc Giấy vay tiền đề ngày 05/8/2017, có nội dung là "…Giấy vay tiền. Tôi tên: Nguyễn Thị M. Hiện ở thôn K, xã c…tôi có vay của chị Nguyễn Thị T tổ J, đường L….với số tiền gốc là 200.000.000 đ viết bằng chữ là hai trăm triệu đồng ko lãi là 60.000đ viết bằng chữ là sáu mươi triệu đồng …hứa trả dần mỗi năm 1 ít, trong vòng 3 năm tôi xẽ trả hết cho chị….". Ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Thị M. Các mặt sau của giấy vay tiền không có chữ; 01 Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Công L (bản sao); 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T (bản sao);

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị M: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân huyện Kbang đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa, để chị M thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, nhưng chị đều vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Mặc dù, tại các thời điểm Tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thì chị M đều có mặt tại địa phương nhưng không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, cố tình trốn tránh nhận trực tiếp các văn bản tố tụng trên, không cung cấp chứng cứ, không trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T (*là chồng của chị M*) nhận thay và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn chị Nguyễn Thị M là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay là chị T và bên vay là chị M. Quan hệ này được lập thành văn bản, với thời hạn cho vay có kỳ hạn nhưng không có lãi, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Chị T là chủ thể có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện Kbang đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tống đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập chị M đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng chị M đều vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ vay tài sản giữa người cho vay là chị T và người vay là chị M được thực hiện giao kết hợp đồng dân sự là việc bên vay và bên cho vay cùng xác lập bằng 01 Giấy vay tiền, đề ngày 05/8/2017. Bản chính của Giấy vay tiền, nguyên đơn đã nộp cho Toà án làm chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Giấy vay tiền đề ngày 05/8/2017 có nội dung: *"Giấy vay tiền. Tôi tên: Nguyễn Thị M. Hiện ở thôn Kơ Xum, xã công Bờ LakB. Tôi có vay của chị Nguyễn Thị T. Hiện ở tổ 8, đường Lê Lợi….với số tiền gốc là 200.000.000đ viết bằng chữ là hai trăm triệu đồng ko lãi là 60.000đ viết bằng chữ là sáu mươi triệu đồng …hứa trả dần mỗi năm 1 ít, trong vòng 3 năm tôi xẽ trả hết cho chị. Hôm nay nay ngày 5-8 D Lịch 2017. Tôi sẽ hứa đunsg lời hứa vơis chị*". Ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Thị M. "*Những giấy nợ tôi viết trước đây cho chị T là voo hiệu nghiệm*" Các mặt sau của giấy vay tiền không có chữ;

Mặc dù, trong giấy vay tiền hai bên xác định thời hạn để chị M thực hiện nghĩa vụ trả nợ là trong vòng 3 năm kể từ ngày lập văn bản, nhưng còn hứa sẽ thực hiện mỗi năm trả một ít điều đó xác định ít nhất trong vòng hơn hai năm (tương đương 2/3 thời gian hẹn trả nợ), chị M phải thực hiện trả nợ được cho chị T một khoản tiền nhưng chị M đã không thực hiện được, còn trốn tránh không hợp tác với chị T. Như vậy, chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong giao dịch dân sự giữa chị và chị T, HDXX xem xét và xét thấy hoàn toàn phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên dơn nên chứng cứ trên được HĐXX chấp nhận.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M, trong quá trình giải quyết vụ án, giai đoạn tống đạt văn bản thụ lý vụ án các phiên hòa giải chị có mặt tại nơi địa phương, nhưng đều cố tình trốn tránh, từ chối nhận văn bản. Sau đó chị cố tình vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ, không trình bày quan điểm của mình để chứng minh cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, điều này đã mặc nhiên thể hiện bị đơn hiện vẫn còn nợ

nguyên đơn số tiền như đã ghi nhận trong giấy vay tiền mà hai bên đã tự nguyện xác lập ghi ngày 05/8/2017.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị M phải trả cho chị T số tiền nợ gốc 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận toàn bộ nên chị không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 260.000.000 đồng x 5% = 13.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108, 144, 147; 227; 228 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án (Nguyễn Thị T) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (Nguyễn Thị M) thi hành án xong khoản tiền 260.000.000 đồng nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu 13.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.500.000 đồng (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0006876 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 17/9/2019*), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc

thẩm. Thời hạn trên đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TA tỉnh Gia Lai;
-VKS Kbang;
-THA Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

ĐỖ THỊ LÀNH